

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HSST
Ngày: 25-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Ngô Huỳnh Đ; sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: số 3 đường L, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: ngõ 149 đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Xuân T và bà: Nguyễn Thị K; tiền án: ngày 29-6-2018, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26-6-2013 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” (đã được xóa án tích), ngày 07-4-2016 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm, tuyên miễn trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt, tạm giữ ngày 16-12-2020, chuyển tạm giam ngày 25-12-2021; có mặt.

Bị hại: Anh Lê Đình P, sinh năm: 1998; nơi cư trú: số 10/109/181 đường Phù, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Huỳnh Đức có mối quan hệ quen biết với anh Lê Đình Phúc và có mối quan hệ tình cảm với chị Phạm Mỹ L. Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 13-12-2020, anh Phúc điều khiển xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 đến đón Đ ở cửa hàng internet tại số 489 đường T phường B thành phố N rồi chở về nhà bác của chị L là anh Đinh Viết C. Tại đây, cả hai ngồi chơi nói chuyện với nhau đến khoảng 08 cùng ngày thì Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 của anh Phúc để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đ nói dối mượn xe máy của anh Phúc để đến cửa hàng internet nạp tiền vào tài khoản thì anh P tin tưởng và đồng ý giao xe cho Đ còn mình ngồi tại nhà anh C đợi. Sau đó, Đ một mình điều khiển xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 đến gặp và đặt vấn đề cầm cố chiếc xe trên cho bạn là anh Lê Huy Q. Đ nói với anh Q đây là xe máy của mẹ mình thì anh Q đồng ý nhận cầm cố chiếc xe máy trên của Đ với giá là 11.500.000 đồng, thời hạn cầm cố trong ngày và không thỏa thuận lãi suất. Đồng thời, cả hai thỏa thuận nếu quá thời hạn cầm cố, Đ không quay lại chuộc xe thì anh Q được quyền bán xe cho người khác. Đ nhận đủ số tiền 11.500.000 đồng anh Q đưa sau đó đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Đ quay lại nhà anh C, thấy Đ về, anh Ph đòi xe thì Đ nói dối đã đưa xe cho chị Phạm Mỹ L mượn để đi khám thai. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh Phúc tiếp tục đòi xe thì Đ lại nói dối là quá trình sử dụng chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 do vi phạm giao thông nên đã bị Đội Cảnh sát giao thông trật tự - Công an thành phố N tạm giữ tại số 80 Nguyễn Trãi phường Vị Hoàng thành phố N. Thấy vậy, anh Ph nói cho Đ biết giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe trên được để trong cốp xe và bảo Đ tự đi giải quyết để lấy xe về trả cho mình. Khi nghe anh Phúc nói vậy, Đ nảy sinh ý định mang chiếc xe máy của anh Phúc đi cầm cố ở chỗ khác sẽ được nhiều tiền hơn. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Đ nói dối anh Phúc là đi lên cơ quan công an làm việc để lấy xe về rồi một mình đi đến nhà anh Q. Khi đến nơi, Đ nói với anh Q cho mình lấy lại chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 để đi cầm cố chỗ khác với giá cao hơn rồi sẽ trả lại tiền cho anh Q thì anh Q đồng ý và giao xe cho Đ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh Phúc không thấy Đ trả xe nên đã đến Đội Cảnh sát giao thông trật tự - Công an thành phố N hỏi thì được biết cơ quan công an không tạm giữ, xử lý chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53. Sau đó, anh Phúc đã nhiều lần liên lạc với Đ để đòi xe nhưng không được. Khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, Đ mang chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe đến cửa hàng cầm đồ Thành Đt tại số 30 đường Đ phường C thành phố N do anh Trần Mạnh C làm chủ. Khi đến nơi, Đ không gặp anh Cường mà chỉ gặp chị Trần Thị Tuyết là người được anh C nhờ trông coi cửa hàng hộ. Đ nói với chị T đây là xe máy của mẹ mình và đặt vấn đề cầm cố chiếc xe máy trên thì chị T đồng ý. Hai bên thỏa thuận giá tiền cầm cố chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 là 25.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 10 ngày kể từ ngày 13-12-2020 đến ngày 22-12-2020, lãi suất cầm cố là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và nếu quá thời hạn cầm cố, Đ không quay lại chuộc xe thì chị Tuyết được quyền bán xe cho người

khác. Đ nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng chị Tuyết đưa rồi đem trả cho anh Q 11.500.000 đồng, số tiền còn lại Đ đã sử dụng hết để mua thẻ nạp vào các tài khoản chơi điện tử trên các trang mạng internet. Sau đó, Đ nhắn tin thông báo cho anh Phúc biết là Đ đã cầm cố chiếc xe máy của anh Phúc cho chị Tuyết và bảo anh Phúc đến gặp mẹ mình để giải quyết rồi tắt nguồn điện thoại để anh Phúc không thể liên lạc đòi xe. Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 14-12-2020, Đ nghĩ bán chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 sẽ được nhiều tiền hơn so với việc cầm cố nên đã sử dụng các tài khoản facebook “Ngô Huỳnh Đ” của mình và tài khoản facebook “Nhỏ Sâu Chim” của chị L để nhắn tin chào bán chiếc xe trên cho tài khoản facebook “Tuấn Hưng” của anh Lê Văn H mà không nói cho anh Hưng biết nguồn gốc của xe. Đ nói với anh Hưng là chiếc xe máy đang cầm cố tại cửa hàng cầm đồ Thành Đạt và bảo anh H cứ đến cửa hàng để xem xe còn mình đang ở xa nên không về kịp. Vì vậy, anh Hưng đã đến gặp chị T để kiểm tra xe và giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau khi xem xe xong, anh Hưng đã đồng ý mua chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 với giá 38.000.000 đồng. Anh Hưng thanh toán luôn cho chị Tuyết số tiền mà Đ đã cầm cố xe cùng với tiền lãi và tiền Đ nợ chị Tuyết trước đó với tổng số tiền là 25.150.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi trừ đi 950.000 đồng mà Đ nợ anh H từ trước, anh H đã sử dụng tài khoản tại ngân hàng Vietcombank của mình để chuyển số tiền 11.900.000 đồng đến tài khoản tại ngân hàng Techcombank của Đ. Số tiền này, Đ cũng đã sử dụng hết để mua thẻ điện thoại nạp vào các tài khoản chơi điện tử trên mạng internet. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, anh H đã bán lại chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe đã mua của Đ cho bạn là anh Phạm Quý Hà với giá 42.500.000 đồng. Sau đó, anh Hà đã mang chiếc xe máy trên về để tại cửa hàng mua bán xe máy Kenny Phạm của mình. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Phúc đi tìm xe thì phát hiện thấy chiếc xe máy của mình đang ở cửa hàng xe máy Kenny Phạm nên đã nói cho anh Hà biết việc Đ đã lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy của mình đồng thời đã đến Công an phường T thành phố N để trình báo toàn bộ sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố N đã triệu tập Ngô Huỳnh Đ lên làm việc. Ngày 16-12-2020, Đ đã đến Cơ quan điều tra - Công an thành phố N để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như trên. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 18B2 - 032.53 mang tên Nguyễn Thị Minh Lý do anh Phạm Quý Hà tự nguyện giao nộp, thu giữ của chị Trần Thị Tuyết 01 giấy hợp đồng cầm đồ ngày 13-12-2020 giữa chị Tuyết và Đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 21-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N đã kết luận: chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 - 032.53 là vật chứng của vụ án trị giá 39.300.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và vấn đề dân sự trong vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2 – 032.53 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe máy cho anh Lê Đình Ph, sau khi nhận lại tài sản anh Phúc không có đề nghị gì khác. Đồng thời, do được Ngô Huỳnh Đ tác động nên mẹ của Đ là bà

Nguyễn Thị K đã hoàn trả cho anh Lê Văn H số tiền 38.000.000 đồng, anh Hưng đã nhận tiền và không có đề nghị gì khác. Anh Lê Văn H đã hoàn trả cho anh Phạm Quý Hà số tiền 42.500.000 đồng, anh Hà đã nhận tiền và không có đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSTPNĐ ngày 01-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Ngô Huỳnh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Huỳnh Đ khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lê Đình Phúc như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Ngô Huỳnh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Huỳnh Đ và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Huỳnh Đ phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 21-12-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 13-12-2020, bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Lê Đình Phúc chiếc xe máy Honda SH mode biển kiểm soát 18B2-032.53 trị giá 39.300.000.000 đồng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo hộ nhưng bị cáo vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 lần bị kết án đã được xóa án tích. Bị cáo có 01 tiền án đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện tội phạm tội do cố ý, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo đến cơ quan điều tra khai báo hành vi phạm tội sau khi đã bị triệu tập lên làm việc nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề dân sự: Anh Lê Đình P, anh Lê Văn H và anh Phạm Quý H đã nhận lại tài sản và không đề nghị giải quyết vấn đề bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với anh Lê Huy Q, chị Trần Thị Tuyết, chị Phạm Mỹ L, anh Lê Văn H và anh Phạm Quý H, kết quả điều tra xác định do không biết và không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngô Huỳnh Đ nên Công an thành phố N không có biện pháp xử lý là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Ngô Huỳnh Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16-12-2020.

3. Án phí: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Ngô Huỳnh Được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Lê Đình Phúc được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệm